TÒA ÁN NHÂN DÂN
H. GÒ CÔNG ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 306/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 10/9/2018
" *V/v ly hôn*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Trần Văn Dũng.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Tỏ

2. Ông Nguyễn Văn Tâm

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Trinh

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông: Bà Trần Thị Ngọc Tuyền, kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 122/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2018 về việc tranh chấp "*Xin ly hôn* " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 59/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Trần Thanh H**, sinh năm 1989

Địa chỉ: Ấp C, xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang

Bị đơn: **Trần Thị N**, sinh năm 1980

Địa chỉ: Ấp C, xã K, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

(Các đương sự có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 4 năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn Trần Thanh H trình bày: Tự nguyện kết hôn vào tháng 10 năm 2009, có đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống bên gia đình anh, hạnh phúc đến tháng 8 năm 2017 phát sinh mâu thuẫn do anh nghe gia đình anh nói chị N chơi đánh bạc trong thời gian anh đi ghe làm thuê không có ở nhà. Anh có khuyên thì chị có giảm chơi đánh bạc nhưng lại quay sang có lời lẽ hỗn hào với mẹ và cô ruột của anh, nên vợ chồng cãi nhau, nên anh có kêu chị về ở bên gia đình chị trong thời gian chờ anh xây nhà mới, để vợ chồng cãi nhau trong khi xây dựng nhà thì không tốt. Sau khi chị về bên gia đình chị thì anh tháo dỡ căn nhà của vợ chồng để chị không

quay về ở lại được, chứ anh không xây nhà mới. Chị có liên lạc trao đổi hàn gắn tình cảm với anh nhưng anh không đồng ý chung sống nên yêu cầu ly hôn vì lý do trên, ngoài ra không mâu thuẩn gì khác.

Có 01 con chung Trần Hải N, sinh ngày 07/9/2009, khi chị đi dẫn con theo sống với chị. Yêu cầu để chị N tiếp tục nuôi con, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 1.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Trong quá trình xét xử chị Trần Thị N trình bày: Thời gian và điều kiện kết hôn như anh trình bày. Vợ chồng cất nhà sống chung trên đất gia đình chồng đến tháng 01/2018 do anh thường uống rượu, chị có lớn tiếng với anh nên vợ chồng cãi nhau chứ chị không có hổn hào với mẹ và cô chồng. Thỉnh thoảng chị có chơi đánh bạc với người thân trong gia đình trong dịp tết, lễ. Nhưng kể từ khi anh khuyên thì chị đã không còn chơi đánh bạc. Vợ chồng đang sống chung thì cô ruột anh ở nước ngoài về nói là cho tiền để xây nhà mới cho vợ chồng ở, nên ngày 12/01/2018 anh H và cô ruột anh kêu chị về ở tạm bên gia đình chị trong thời gian chờ xây nhà mới. Chị nghe lời nên dẫn con về ở bên gia đình chị, chứ không phải vì mâu thuẩn vợ chồng mà chị bỏ đi. Sau khi chị đi, anh tháo dỡ căn nhà của vợ chồng nhưng không xây lại nhà mới nên chị và con không thể quay về ở được. Nên chị xin đất mẹ ruột cất nhà để chị và con ở tạm. Thời gian không sống chung, anh có đến thăm con, chị có trao đổi hàn gắn tình cảm với anh và luôn trông chờ anh xây nhà mới để về chung sống. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, không có mâu thuẩn gì lớn nên không đồng ý ly hôn. Chị hứa khắc phục, sửa đổi tính tình, không lớn tiếng với chồng như trước, không chơi đánh bạc nữa, mong muốn được chung sống vợ chồng để cùng lo cho con, nếu anh không muốn xây nhà mới thì cùng ở với chị và con bên căn nhà của chị.

Về con, tài sản chung và nợ thống nhất như anh trình bày. Nếu Tòa xử ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con.

Ý kiến của Viện kiểm sát: Trong quá trình thụ lý và xét xử vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Trần Thanh H. Cho anh H được ly hôn chị N. Giao con chung Trần Hải N, sinh ngày 07/9/2009 cho chị Nguyên tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận anh H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi cháu N trưởng thành. Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Việc nộp đơn khởi kiện, thụ lý đơn và thẩm quyền giải quyết của Tòa án đúng quy định; Việc thu thập tài liệu chứng cứ; Thủ tục kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1] Về hôn nhân, anh Trần Thanh H và chị Trần Thị N tự nguyện kết hôn, được UBND xã K, huyện G cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 128/2009 ngày 08/10/2009 là hôn nhân hợp pháp.

Xét lý do anh H xin ly hôn, chị N có thừa nhận một phần như nêu trên. Anh H cũng xác nhận từ khi anh khuyên thì chị N đã có giảm việc đánh bạc. Anh H cho rằng chị N có lời lẽ không tôn trọng mẹ và cô ruột của anh, nhưng chị N không thừa nhận, anh H cũng không đưa ra được chứng cứ chứng minh cụ thể. Việc chị N về ở bên gia đình chị là do anh và cô ruột của anh kêu chị về trong thời gian chờ xây nhà mới. Nhưng sau đó anh H đã tháo dỡ nhà cũ, không xây lại nhà mới là nhằm mục đích không cho chị quay về sống chung. Điều này cho thấy anh H tự tạo ra mâu thuẩn để có lý do xin ly hôn. Qua xác minh tại địa phương không thấy có mâu thuẩn gì. Xét thấy thời gian không chung sống chỉ từ tháng 01/2018, mâu thuẩn không lớn, tình trạng hôn nhân chưa đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng còn nhiều khả năng hàn gắn, cần tạo điều kiện về thời gian để chị N thực hiện lời hứa của chị trước Tòa, cũng như có thời gian để vợ chồng hàn gắn tình cảm, đoàn tụ gia đình. Theo quy định Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh H. Không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

[2] Về con chung như trình bày trên.

[3] Về tài sản chung và nợ như trình bày trên.

Án phí dân sự sơ thẩm: Anh H phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Thanh H xin ly hôn chị Trần Thị N.

Án phí sơ thẩm: Anh Trần Thanh H phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 45578 ngày 12/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang. Chị Trần Thị N không phải chịu án phí sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Dũng

Nơi nhận:
- VKSND huyện GCĐ
- Chi cục THA DS huyện GCĐ
- Các đương sự
- Lưu: HS, AV